

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- 1. Tên ngành, nghề:** KẾ TOÁN
- 2. Mã ngành, nghề:** 6340301
- 3. Trình độ đào tạo:** CAO ĐẲNG
- 4. Đối tượng tuyển sinh:** học sinh tốt nghiệp THPT và tương đương trở lên
- 5. Thời gian đào tạo:** 3 năm học
- 6. Mục tiêu đào tạo**

6.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo Cử nhân cao đẳng kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kế toán; thiết kế và điều hành hệ thống kế toán trong đơn vị kế toán; có tư duy độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

6.2. Mục tiêu cụ thể:

6.2.1. Kiến thức

Cử nhân kế toán được trang bị kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; Có hiểu biết về chính trị, xã hội và nhân văn; Có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kế toán trong các loại hình đơn vị kế toán; có khả năng học tập nâng cao cũng như học tiếp các chứng chỉ về kiểm toán, kế toán.

6.2.2. Kỹ năng

- Lập, phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán
- Ghi sổ chi tiết, sổ kế toán tổng hợp
- Lập báo cáo kế toán tài chính, báo cáo kế toán quản trị trong các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp.
- Thực hành phần mềm kế toán doanh nghiệp, kế toán hành chính sự nghiệp

- Phân tích, so sánh, xử lý một cách độc lập về tài chính kế toán, phân tích tài chính doanh nghiệp

- Tư vấn cho lãnh đạo doanh nghiệp về vấn đề tài chính doanh nghiệp

- Sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng thông dụng

- Kỹ năng làm việc theo nhóm, thuyết trình, sử dụng tiếng Anh.

6.2.3. Thái độ

Có đạo đức, trung thực; có trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo; có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện được giao

6.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Cán bộ kế toán, tài chính trong các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ;

7. Thời gian khóa học: 3 NĂM

8. Khối lượng kiến thức toàn khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 37

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 110 Tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2.070 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 865giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.640 giờ

9. Danh mục và thời lượng chương trình

Mã MH/ MD	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/Kiểm tra
I	Các môn học chung	19				
DT6001	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
DT6002	Pháp luật	2	30	18	10	2
DT6003	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4

DT6004	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
DT6005	Tin học	3	75	15	58	2
DT6006	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	5	120	42	72	6
DT6001	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
DT6002	Pháp luật	2	30	18	10	2
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	90	2070	708	1302	60
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	33	675	313	338	24
KL69912	Xác suất thống kê	3	60	30	28	2
KL6102	Kinh tế vi mô	3	75	15	58	2
KL69911	Thống kê trong kinh doanh	3	60	30	28	2
KL6104	Toán kinh tế	3	60	30	28	2
KL6105	Nguyên lý kế toán	3	60	30	28	2
KL6106	Luật kế toán	2	30	28		2
KL69908	Quản trị học	3	60	30	28	2
KL6108	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	60	30	28	2
KL69905	Marketing căn bản	3	60	30	28	2
KL69906	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	45	15	28	2
KL6111	Soạn thảo văn bản	2	45	15	28	2
KL6112	Thuế	3	60	30	28	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	47	1095	335	732	28
KL6113	Tài chính doanh nghiệp	4	90	30	58	2
KL6114	Kế toán doanh nghiệp 1	5	120	30	88	2
KL6115	Kế toán doanh nghiệp 2	5	120	30	88	2
KL6116	Kế toán thương mại dịch vụ	3	60	30	28	2
KL6117	Kế toán hợp tác xã	3	60	30	28	2
KL6118	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	60	30	28	2
KL6119	Kế toán quản trị	3	60	30	28	2
KL6120	Lập và phân tích báo cáo tài chính	2	45	15	28	2
KL6121	Phân tích hoạt động kinh tế	3	60	30	28	2
KL6122	Kiểm toán	3	60	30	28	2
KL6123	Kế toán quốc tế	3	60	30	28	2
KL6124	Thực hành trên phần mềm kế toán	3	90	10	78	2

	trong kế toán					
KL6125	Thực hành kế toán trong doanh nghiệp	4	120		118	2
KL6126	Thực hành khai báo thuế	3	90	10	78	2
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	6	120	60	56	4
KL6127	Kế toán ngân hàng thương mại	3	60	30	28	2
KL6128	Kế toán chi phí	3	60	30	28	2
KL6129	Kế toán ngân sách xã phường	3	60	30	28	2
II.4	Thực tập tốt nghiệp	4	180		176	4
TN6000	Thực tập tốt nghiệp (6-8 tuần)	4	180	0	174	6
Tổng cộng		110	2505	865	1557	83

10. Chương trình chi tiết các môn học (đính kèm đề cương chi tiết các môn)

11. Hướng dẫn sử dụng chương trình

11.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội / Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

Thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ngày 13 tháng 3 năm 2017, Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

+ 01 tín chỉ lý thuyết tương đương với 15 giờ thực học và 30 giờ chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;

+ 01 tín chỉ thực hành tương đương với 30 giờ thực học và 15 giờ chuẩn bị cá nhân;

+ 01 tín chỉ thực tập/rèn nghề tại doanh nghiệp tương đương với 45 giờ thực học.

+ Thời gian đào tạo: 3 năm

+ Thời gian học tập: 131 tuần

+ Thời gian thực học tối thiểu: 2.416 giờ

+ Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun: 89 giờ

11.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng; Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

11.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, môn đơn:

- Cách tính điểm: Mỗi môn học phải có ít nhất một cột điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc môn. Cách tính điểm cụ thể như sau:

+ Kiểm tra: 40%

+ Thi kết thúc môn học: 60%

+ Điểm TB cuối môn = Điểm kiểm tra + điểm thi hết môn

Điểm môn học sẽ được làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm môn học được công bố và nhập vào hệ thống quản lý điểm theo thang điểm 10 và quy đổi sang thang điểm chữ như sau:

Điểm môn học (theo thang điểm 10)	Điểm chữ	Điểm môn học (quy ra thang điểm 4)
8,5 – 10,0	A	4,0
8,0 – 8,4	B+	3,5
7,0 – 7,9	B	3,0
6,5 – 6,9	C+	2,5
5,5 – 6,4	C	2,0
5,0 – 5,4	D+	1,5

4,0 – 4,9	D	1,0
0,0 – 3,9	F	0,0

11.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp theo phương thức tích lũy tín chỉ:

Thực hiện Chương II (Điều 19 – 26), Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ngày 13 tháng 3 năm 2017 Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Người học phải học hết chương trình đào tạo và tích lũy đủ số lượng tín chỉ theo quy định, có đủ điều kiện thì sẽ được xét công nhận tốt nghiệp.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu theo quy định của trường.

TM. KHOA KINH TẾ - LUẬT.

TM. TỔ BIÊN SOẠN

PHÊ DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU